TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79/2017/QĐST-HNGĐ	*Chiêm Hóa, ngày 19 tháng 7 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2017/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị O, sinh năm 1979; trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện H, tỉnh T. Nghề nghiệp: Lao động tự do.

- *Bị đơn:* Anh Bàn Văn D, sinh năm 1974; trú tại: Thôn K, xã L, huyện C, tỉnh T. Nghề nghiệp: Công chức UBND xã L, huyện C.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* + Ngân hàng C huyện C do bà Nguyễn Thị Thanh H - chức vụ: Giám đốc làm đại diện theo pháp luật. Địa chỉ: Tổ Đ, thị trấn V, huyện C, tỉnh T.

+ Ngân hàng A huyện C do bà Lê Thị P - chức vụ: Giám đốc, làm đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Thị trấn V, huyện C, tỉnh T. địa chỉ: Xã V, huyện C, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, 213; của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 274, 275 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 45, các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bàn Thị O, sinh năm 1979 và anh Bàn Văn D, sinh năm 1974.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Bàn Văn D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bàn Minh Đ, sinh ngày 13/4/2007, hiện cháu Đ đang sống cùng anh D (theo nguyện vọng của con). Chị Bàn Thị O không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Đối với con chung là cháu Bàn Thị D, sinh ngày 06/9/1995, đã đủ 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

- Về nợ chung: Chị O và anh D xác nhận không có nợ chung.

- Về nợ riêng: Anh Bàn Văn D nhận tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán các khoản vay nợ gồm:

+ Khoản nợ theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 23.4.180032 đối với Ngân hàng Chính sách xã hội huyện C số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), lãi suất là 0,8%/tháng, thời hạn thanh toán nợ là 19/6/2019, do bà Nguyễn Thị Thanh H, chức vụ: Giám đốc, làm đại diện theo pháp luật;

+ Khoản nợ theo Hợp đồng vay số 201606210 đối với Phòng giao dịch V- Chi nhánh A, huyện C số tiền gốc là 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng), thời gian vay 09/8/2016, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất là 12,5%/năm, do bà Lê Thị P - chức vụ: Giám đốc, làm đại diện theo pháp luật.

Anh Bàn Văn D có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện thời hạn trả nợ và lãi suất phát sinh theo các hợp đồng vay nêu trên.

*** Về án phí:** Chị Bàn Thị O nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị Bàn Thị O đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000^{đ} (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai số 0002133 ngày 21/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nay được khấu trừ 150.000^{đ} *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* thành tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn *(chị O đã nộp đủ tiền án phí)*. Trả cho chị Bàn Thị O số tiền 150.000^{đ} (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) do nộp tiền tạm ứng án phí còn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã B (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

THẨM PHÁN

Ma Hồng Thắng